TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Danh Út Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28/02/2023 về việc "Tranh chấp về Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp VH4, xã VHHN, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử mặt);

Địa chỉ: Ấp VH4, xã VHHN, huyện GQ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 13/02/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị Đ trình bày:

Vào năm 2000, bà kết hôn cùng với ông Nguyễn Văn U, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và sau đó vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nhưng hiện tại giấy kết hôn bà đã làm mất, bà có đến UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc xin trích lục nhưng do thời gian đã lâu nên không còn lưu trong hồ sơ hộ tịch năm 2000.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc đầm ấm đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt nên thường xuyên cải vả, không còn hạnh phúc. Thêm vào đó, cứ mỗi lần đi nhậu về là ông U lại ghen tuông vô cớ kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập bà nhiều lần, đã vậy thời gian gần đây bà còn bị mấy người chị chồng đánh đuổi đi nên bà đã bỏ đi và vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng 7 tháng nay. Nay, bà xét thấy giữa bà và ông U không thể nào hàn gắn với nhau được nửa nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh U.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn S - sinh năm 2001, Nguyễn Vũ L – sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009, hai cháu lớn đã trưởng thành và sống riêng, còn cháu Nguyễn Thị Thúy H hiện nay đang sống cùng với bà.

Tài sản chung: Bà Đ xác định vợ chồng bà không có tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn U; Về con chung: Nguyễn Văn S - sinh năm 2001 và Nguyễn Vũ L – sinh năm 2003 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009 hiện tại đang sống với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, bà xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 27/3/2023, Bị đơn ông Nguyễn Văn U hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Đ về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nhưng theo ông U xét thấy những mâu thuẫn giữa ông và bà Đ ông bà có thể dung hòa được nên không cần thiết phải ly hôn. Ông U trình bày ông có có ra Thành phố Vị Thanh tìm nhà trọ nơi vợ ở, năn nỉ xin được hàn gắn, xin rước vợ về nhưng vợ không đồng ý mà vẫn làm đơn ly hôn, nhưng đó là ý kiến của vợ còn ông là dù cho có như thế nào thì ông cũng nhất quyết không chịu ly hôn với vợ.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là: Nguyễn Văn S - sinh năm 2001, Nguyễn Vũ L – sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009, hai cháu lớn đã trưởng thành và sống riêng, còn cháu Nguyễn Thị Thúy H hiện nay đang sống cùng với vợ tôi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

* Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân: Ông U không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Đ; vì ông còn thương vợ, thương con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi con, ông không muốn các con mất mát tình cảm của cha mẹ; Vợ tôi muốn ly hôn với tôi nhưng tôi không bao giờ ly hôn, tôi không bao giờ

bỏ vợ bỏ con ; Về con chung: Nguyễn Văn S - sinh năm 2001 và Nguyễn Vũ L – sinh năm 2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009 tùy theo nguyện vọng của con, nếu con theo ai thì người đó nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với Nguyễn Văn U được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và Nguyễn Văn U xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và theo ông bà trình bày là có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên vào năm 2000. Tuy nhiên, hiện tại ông bà trình bày giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất, ông bà không còn bản sau hay giấy tờ khác chứng minh nên không thể giải quyết theo thủ tục có đăng ký kết hôn được. Do đó, hôn nhân của ông bà đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Đông có nguyện vọng được ly hôn, ông U không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông còn thương vợ, thương con, tôi muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi con, tôi không muốn các con mất mát tình cảm của cha mẹ; Vợ ông muốn ly hôn với ông nhưng ông không bao giờ ly hôn, ông không bao giờ bỏ vợ bỏ con nên dù thế nào thì ông cũng không đồng ý ly hôn với vợ, bà Đ kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn của ông bà phát sinh từ việc thiếu tin tưởng lẫn nhau, thêm vào đó khi có vấn đề mâu thuẫn vợ chồng ông U không ngồi lại trao đổi mà lại dùng bạo lực để giải quyết. Bên cạnh đó, bà Đ còn bị áp lực từ phía gia đình của ông U. Tuy mâu thuẫn không lớn nhưng kéo dài nhiều năm, ông U lại không chứng tỏ được sự bao dung chở che cho vợ và khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không hòa giải được những gút mắc với nhau. Bà Đ cũng muốn duy trì cuộc hôn nhân này nên kêu ông U đi làm cùng bà để vợ chồng cùng ăn cùng làm cùng chăm lo cho các con nhưng ông U không chịu đi nên từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng lớn. Cho nên mâu thuẫn của vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nghĩ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và

Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Đ và Nguyễn Văn U xác định vợ chồng ông bà có 03 con chung tên là: Nguyễn Văn S - sinh năm 2001, Nguyễn Vũ L – sinh năm 2003 và Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009. Nguyễn Văn S và Nguyễn Vũ L đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009 hiện tại đang sống với bà Đông nên bà Đ và ông U thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Nguyễn Thị Thúy H cho bà Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu H cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bà Đ. Xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp theo nguyện vọng của cháu H và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Đ và Nguyễn Văn U thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng ông bà cũng không có nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5]: Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ bà bà Lê Thị Đ phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131, khoản 1 Điều 14, Điều 53 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn U là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thúy H – sinh ngày 30/8/2009 cho bà Lê Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông U không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở ông U thực hiện quyền này.

Khi cần thiết ông, bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Đ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp tạm ứng án phí là theo biên lai thu số 0006644, ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Lê Thị Đ đã nộp xong số tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/4/2023.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THADS huyện Gò Quao;*
- *UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập